



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-2187/2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN TÂN BÌNH
- Địa chỉ : Lô III, cụm III, đường CN1, nhóm CN III, KCN Tân Bình,
phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, nhà máy hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 06/11/2025
- Thời gian phân tích : 06/11/2025 – 22/11/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 – 3/3

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B $C_{max}=C_xK_q \times K_f$	Phương pháp đo đạc, phân tích
			251106006_ NT02		
1	Nhiệt độ	°C	30,5	40	SMEWW 2550B:2023
2	Độ màu*	Pt-Co	KPH (MDL=10)	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
3	pH	-	7,02	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
4	TSS*	mg/L	9	90	TCVN 6625:2000
5	COD	mg/L	22	135	SMEWW 5220C:2023
6	BOD ₅ *	mg/L	7	45	TCVN 6001-1:2021
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,06)	9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023 TCVN 5988:1995
8	Tổng Nitơ*	mg/L	< 9,0	36	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	0,41	5,4	SMEWW 4500-P.B&D:2023
10	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	177	900	TCVN 6194:1996
11	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,25)	1,8	TCVN 6225 – 3 : 2011

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 04/00
NBH: 30/10/2025
Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhtienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-2187/2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B $C_{max}=C_xK_q \times K_f$	Phương pháp đo đặc, phân tích
			251106006_ NT02		
12	Sulfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,45	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023
13	Florua (F^-)*	mg/L	KPH (MDL=0,07)	9	SMEWW 4500- F^- .B&D:2023
14	Sắt (Fe)	mg/L	< 0,27	4,5	SMEWW 3500-Fe.B:2023
15	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,8	SMEWW 3111 B:2023
16	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,7	SMEWW 3111B:2023
17	Mangan (Mn)	mg/L	< 0.252	0,9	SMEWW 3111B:2023
18	Asen (As)	mg/L	0,036	0,09	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,009	TCVN 7877:2008
20	Chì (Pb)	mg/L	< 0,0078	0,45	SMEWW 3113B:2023
21	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,09	SMEWW 3113B:2023
22	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,09	SMEWW 3500-Cr:2023
23	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,9	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
24	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,09	SMEWW 4500 CN^- .C&E:2023
25	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,45	TCVN 6216:1996
26	Niken (Ni)	mg/L	0,030	0,45	SMEWW 3113B:2023
27	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	9	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ [#]	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	0,09	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật	mg /L	KPH	0,9	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 04/00

NBH: 30/10/2025

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-2187/2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B $C_{max}=C \times K_q \times K_f$	Phương pháp đo đạc, phân tích
			251106006_ NT02		
	phot pho hữu cơ [#]		(MDL=0,00002)		EPA Method 8270D
30	Tổng PCB [#]	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,009	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
31	Tổng phóng xạ α [#]	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	TCVN 6053:2011
32	Tổng phóng xạ β [#]	Bq/L	KPH (MDL=0,3)	1	TCVN 6219:2011
33	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	13 x 10 ²	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú - Vimcerts 292)
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; K_q = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/s
K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải: K_f = 1 ứng với 500 < F ≤ 5.000 m³/24h
- KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- 251106006_NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung của KCN (Kinh độ: 106°36'57.3'', Vĩ độ: 10°49'6.5'')

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 04/00
NBH: 30/10/2025
Trang: 3/3